

TIN TIÊU ĐIỂM:

Bảo hiểm
Nghỉ thai sản vẫn phải đóng bảo hiểm y tế

Ngày 15/11/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 105/2014/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (BHYT)

Theo Nghị định này, kể từ ngày 01/01/2015, người lao động trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản vẫn phải đóng BHYT hàng tháng với mức bằng 4,5% tiền lương tháng trước khi nghỉ thai sản; bên cạnh đó, trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ 14 ngày trở lên trong tháng thì người lao động không phải đóng BHYT, tuy nhiên, vẫn sẽ được hưởng các quyền lợi BHYT. Người lao động trong thời gian được cử đi học tập hoặc công tác tại nước ngoài cũng không phải đóng BHYT; thời gian này được tính là thời gian tham gia BHYT cho đến ngày có quyết định trở lại làm việc của cơ quan, tổ chức cử đi.

Ngoài các trường hợp đặc biệt nêu trên, mức đóng BHYT hàng tháng của người lao động, cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp... vẫn duy trì như trước đây, cụ thể bằng 4,5% mức lương hàng tháng.

Nghị định cũng quy định cụ thể về mức hỗ trợ đóng BHYT cho một số đối tượng. Trong đó, người thuộc hộ gia đình cận nghèo mới thoát nghèo sẽ được hỗ trợ 100% mức đóng BHYT trong thời gian 05 năm sau khi thoát nghèo; trường hợp người thuộc hộ cận nghèo đã thoát nghèo trước ngày 01/01/2015 nhưng thời gian thoát nghèo tính đến ngày 01/01/2015 chưa đủ 01 năm thì thời gian còn lại được hỗ trợ thấp nhất là 01 năm; học sinh, sinh viên được hỗ trợ 30% mức đóng BHYT...

Cũng theo Nghị định, người có thẻ BHYT đang điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng thẻ đã hết hạn sử dụng vẫn được Quỹ BHYT thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi quyền lợi và mức hưởng theo chế độ quy định cho đến khi ra viện hoặc hết đợt điều trị ngoại trú; người tham gia BHYT vào viện điều trị trước ngày 01/01/2015 nhưng ra viện kể từ ngày 01/01/2015 thì được thanh toán trong phạm vi quyền lợi và mức hưởng được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung Luật BHYT.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015.

Dất đai – Nhà ở Được chuyển đổi nhà ở thương mại đến hết năm 2015

Ngày 26/11/2014, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 18/2014/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 02/2013/TT-BXD ngày 08/03/2013 hướng dẫn việc điều chỉnh cơ cấu căn hộ các dự án nhà ở thương mại, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị và chuyển đổi nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội hoặc công trình dịch vụ, quyết định gia hạn hiệu lực Thông tư số 02/2013/TT-BXD thêm 01 năm, đến hết năm 2015 thay vì năm 2014 như trước đây

Như vậy, chủ đầu tư các dự án nhà ở thương mại, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa triển khai thi công xây dựng hoặc đã được triển khai thi công nhưng cơ cấu căn hộ hoặc mục đích sử dụng nhà ở thương mại không phù hợp với nhu cầu của thị trường, nếu muốn có thể điều chỉnh cơ cấu quy mô căn hộ thương mại có diện tích lớn sang căn hộ có diện tích nhỏ hoặc chuyển đổi các khối nhà chung cư, nhà ở thương mại thấp tầng sang làm nhà ở xã hội hoặc công trình dịch vụ như bệnh viện, trung tâm y tế, trường học, khách sạn... đến hết ngày 31/12/2015.

Việc điều chỉnh cơ cấu căn hộ, chuyển đổi mục đích sử dụng nhà ở thương mại sang làm nhà ở xã hội hoặc công trình dịch vụ như trên chỉ được thực hiện đối với các hạng mục công trình xây dựng và căn hộ mà chủ đầu tư chưa ký hợp đồng góp vốn, hợp đồng mua bán với khách hàng. Trường hợp đã ký hợp đồng mua bán, góp vốn, thì trước khi điều chỉnh cơ cấu, mục đích sử dụng phải có sự đồng ý của tất cả các khách hàng đã ký hợp đồng.

Đặc biệt, việc điều chỉnh cơ cấu căn hộ phải đảm bảo an toàn, tiện lợi cho người sử dụng; căn hộ diện tích nhỏ sau khi chuyển đổi phải có đủ các không gian, diện tích sử dụng tối thiểu và không thấp hơn tiêu chuẩn tối thiểu thiết kế nhà ở thương mại theo quy định của pháp luật về nhà ở...

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/12/2014.

NHẬN ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT:

Trong khoảng 10 năm trở lại đây, cụm từ "Bộ Quy tắc Ứng xử" ("Code of Conduct", viết tắt "CoC") đã trở nên quen thuộc với nhiều doanh nghiệp trong nước. Đặc biệt, khi ngày càng nhiều doanh nghiệp Việt Nam ký kết hợp đồng gia công sản phẩm cho các đối tác từ Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và nhiều quốc gia phát triển khác, các doanh nghiệp gia công phải tuân thủ CoC của hãng đặt gia công nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và việc tuân thủ quy trình sản xuất. Vậy CoC là gì và tại sao doanh nghiệp lại cần tới CoC? Trong số này, NHQuang & Associates sẽ đưa ra những phân tích ngắn gọn về CoC và các tác động của CoC tới doanh nghiệp nói riêng và thị trường nói chung.

Hiện nay, khái niệm "Quy tắc ứng xử của doanh nghiệp" vẫn chưa được định nghĩa một cách thống nhất. Tuy nhiên, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đã đưa ra khái niệm về Quy tắc ứng xử như sau: "Quy tắc ứng xử của doanh nghiệp là những cam kết tự nguyện của các doanh nghiệp, hiệp hội hoặc các đơn vị khác, đặt trong các chuẩn mực và nguyên tắc cho việc tiến hành các hoạt động kinh doanh trên thị trường".

Về cơ bản CoC của doanh nghiệp được hiểu là những cam kết của doanh nghiệp dành cho các thành viên/cổ đông, người lao động, đối tác, khách hàng, thậm chí là cả khối cơ quan nhà nước. Những cam kết trong CoC sẽ được coi là chuẩn mực cho các hành động từ phía doanh nghiệp cho các bên có liên quan trong cam kết. Là tuyên bố về các sứ mệnh và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, CoC góp phần tạo dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng có thể đưa ra hình phạt cho các hành vi không phù hợp với nội dung của CoC.

Với nhân viên của công ty, CoC giúp định hướng hành vi đạo đức, đưa ra các hướng dẫn ứng xử chuyên nghiệp giữa nhân viên trong công ty với nhau và trong mối quan hệ với khách hàng. Đồng thời, CoC còn mang lại cho người lao động những

cam kết của doanh nghiệp về môi trường làm việc, văn hóa làm việc trong doanh nghiệp. Điều này giúp cho sự hài lòng và gắn bó của nhân viên với công ty được tăng lên đáng kể. Đối với cổ đông/thành viên Công ty, CoC mang lại niềm tin cho họ về sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, nâng cao khả năng huy động vốn cho doanh nghiệp.

Từ góc độ đối tác, CoC là công cụ quản trị nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, giúp khách hàng có cơ sở để hiểu và tin tưởng vào hành vi kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đặt ra yêu cầu về việc tuân thủ CoC như một điều kiện bắt buộc khi giao kết hợp đồng thương mại với các đối tác kinh doanh. Điều này giúp cho doanh nghiệp tránh được những vụ bê bối liên quan tới những giao dịch bất minh, những khoản hối lộ, những thông đồng của nhân viên trong các doanh nghiệp, đồng thời giúp nâng cao uy tín đối với đối tác và người tiêu dùng.

Đối với Nhà nước, CoC là cơ sở để Nhà nước hiểu biết về doanh nghiệp tốt hơn. Intel là một ví dụ điển hình cho việc sử dụng CoC để thỏa thuận với cơ quan nhà nước Việt Nam về chống tham nhũng khi đầu tư vào Việt Nam.

Đối với xã hội, CoC cũng thể hiện một phần trách nhiệm của doanh

nghiệp đối với xã hội. Điều này được thể hiện qua những cam kết về đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua việc tuân thủ các chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, an toàn lao động, đào tạo và phát triển nhân viên, đảm bảo chất lượng sản phẩm...theo cách có lợi cho sự phát triển chung của xã hội.

Người tiêu dùng hiện nay không chỉ quan tâm đến chất lượng sản phẩm, mà còn quan tâm đến phương thức doanh nghiệp làm ra sản phẩm đó. Họ muốn biết liệu sản phẩm đó có thân thiện với môi trường, cam kết của doanh nghiệp đối với cộng đồng hay không? Trên thế giới đã từng có những cuộc vận động tẩy chay sản phẩm của một số hãng sử dụng lao động trẻ em hoặc lao động trong điều kiện khổ nhọc trong quá trình tạo ra sản phẩm. Chính vì vậy, bên cạnh bài toán về kinh tế, các doanh nghiệp cần đưa ra những phương thức đảm bảo về chất lượng, điều kiện và môi trường làm việc để sản xuất sản phẩm của mình. CoC, trong trường hợp này, được coi là một phương thức công bố về giá trị doanh nghiệp và sự đảm bảo đối với chất lượng hàng hóa, sản phẩm mà doanh nghiệp cung cấp cho thị trường, nâng cao uy tín doanh nghiệp trong mắt người tiêu dùng.

Như đã phân tích ở trên, CoC được coi là cam kết của doanh nghiệp với các bên liên quan trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Để

CoC thực sự có hiệu quả và hiệu lực thì cần thiết phải có một cơ chế thực thi và giám sát CoC trong doanh nghiệp.

- Đối với người lao động, CoC được coi như phụ lục đính kèm Hợp đồng lao động và yêu cầu nhân viên phải tuân thủ;
- Đối với đối tác kinh doanh, CoC có thể được coi là điều kiện bắt buộc phải thực hiện để có thể ký kết hợp đồng thương mại;
- Đối với người tiêu dùng, CoC được coi như cam kết doanh nghiệp về chất lượng sản phẩm;
- Đối với Nhà nước, CoC là cam kết về thực hiện quyền và nghĩa vụ “công dân” của doanh nghiệp đối với quốc gia.

Hiện nay tại Việt Nam đã có một số doanh nghiệp lớn như Vinamilk, Vingroup, Petrolimex, EVN... đã xây dựng cho mình những Bộ Quy tắc Ứng xử riêng. Mặc dù xây dựng và vận hành CoC trong doanh nghiệp là một thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhưng việc thực hiện thành công CoC không chỉ giúp tăng thêm uy tín và tính cạnh tranh cho doanh nghiệp, mà còn bảo đảm quyền lợi của người lao động và nâng cao tính tuân thủ pháp luật, tạo ra môi trường đầu tư năng động và hiệu quả hơn./.

Lưu ý: Tất cả các ý kiến, nhận định và quy định được trích dẫn (nếu có) trong bài viết chỉ mang tính tham khảo nên không được coi đó là ý kiến pháp lý chính thức để vận dụng vào các trường hợp cụ thể. Do vậy, để có được ý kiến pháp lý cho từng trường hợp một các chính xác nhất, Quý khách hàng vui lòng liên hệ trực tiếp với chúng tôi.

**DANH MỤC VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH TỪ NGÀY
26/11/2014 ĐẾN NGÀY 02/12/2014**

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành
1.	Quyết định 2139/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện và điều chỉnh nội dung các dự án của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014	28/11/2014
2.	Thông tư 18/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 02/2013/TT-BXD ngày 08/03/2013 hướng dẫn việc điều chỉnh cơ cấu căn hộ các dự án nhà ở thương mại, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị và chuyển đổi nhà ở thương mại sang làm nhà ở xã hội hoặc công trình dịch vụ	26/11/2014
3.	Thông tư 37/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc thiết kế mẫu tiền, chế bản và quản lý in, đúc tiền Việt Nam	26/11/2014
4.	Nghị quyết 78/2014/QH13 của Quốc hội về dự toán ngân sách Nhà nước năm 2015	10/11/2014
5.	Quyết định 2112/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố giai đoạn 2015-2020	25/11/2014
6.	Nghị định 113/2014/NĐ-CP của Chính phủ về việc quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật	26/11/2014
7.	Nghị định 114/2014/NĐ-CP về đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng	26/11/2014
8.	Quyết định 66/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	25/11/2014
9.	Nghị định 105/2014/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế	15/11/2014
10.	Thông tư 17/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định chế độ báo cáo về hoạt động chứng thực chữ ký số	26/11/2014
11.	Nghị quyết 77/2014/QH13 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015	10/11/2014
12.	Thông tư 43/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục sản phẩm nông lâm thủy sản, sản phẩm phụ trợ, sản phẩm cơ khí để bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản được hỗ trợ theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	18/11/2014